

## PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA THÁNH CÁT TƯỜNG TRÌ THẾ ĐÀ LA NI

Hán dịch: Tây thiên Trung Ấn Độ, nước Ma Kiệt Đà, chùa NA LAN ĐÀ Truyền Giáo Đại Sư Tam Tạng, Sa Môn được ban áo tía là PHÁP THIÊN phụng chiếu dịch  
Việt dịch: HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe có. Một thời Đức Phật ngự trong rừng Đại Cức thuộc nước Kiều Thướng Di cùng với chúng Đại Tỳ Kheo gồm có 450 người đều là chúng Sở Tri Thức, Đại A La Hán và các Bồ Tát Ma Ha Tát, các chúng của Phật Pháp đều đến dự hội, cung kính vây quanh nghe Đức Phật nói Pháp.

Bấy giờ trong Hội có một vị Trưởng Giả tên là **Diệu Nguyệt** (Sucandra) trú ngụ nơi Đại thành Kiều Thướng Di. Vị Trưởng Giả như vậy có Trí Tuệ lớn, phương tiện khéo léo; đông đầy quyền thuộc nam nữ, nô tỳ, tôi tớ đều có đủ căn lành, phát Tâm đại thiện.

Lúc đó, Diệu Nguyệt Trưởng Giả đến quan sát Đức Thế Tôn và chỗ Phật ngự xong liền cung kính chấp tay, đảnh lễ dưới chân Đức Phật rồi nhiễu quanh kinh hành trăm ngàn vòng và lui về một bên, an lành ngồi xuống. Xong rồi, Diệu Nguyệt Trưởng Giả bạch với Đức Phật rằng: “Thế Tôn! Ngày hôm nay con muốn thưa hỏi Đấng Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác. Nay trong Tâm con có chút việc nghi, nguyện xin Đức Thế Tôn Đại Từ bi vô lượng, vì con mà nói Pháp để khai mở chỗ kết nghi của con”

Khi ấy, Đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn bảo Diệu Nguyệt Trưởng Giả rằng: “Nay Ta muốn biết Tâm ông nghi ngờ điều gì mà cần phải hỏi. Nếu Tâm ông đã nghi thì chẳng nên ôm chứa trong lòng làm chi.”

Diệu Nguyệt Trưởng Giả nghe Đức Phật nói xong, lại bạch Đức Phật rằng: “Thế Tôn! Như kẻ trai lành, người nữ thiện chịu sự nghèo túng thì làm thế nào để chẳng còn nghèo túng nữa? Người bị nhiều bệnh tật phải làm sao để chẳng còn bệnh tật nào?”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn là Bậc có đủ Nhất Thiết Trí bảo Diệu Nguyệt Trưởng Giả rằng: “Nay có phải ông vì sự nghèo túng nên ôm ấp sự nghi hoặc mà hỏi điều đó chẳng?”

Diệu Nguyệt Trưởng Giả bạch với Đức Thế Tôn rằng: “Nay con chỉ vì sự nghèo túng! Bạch Đức Thế Tôn! Nay con chỉ vì sự nghèo túng! Xin Đấng Thiện Thế hãy vì quyền thuộc, nam nữ, nô tỳ, tôi tớ ở đông đầy trong nhà và vì con mà nói! Xin Đức Thế Tôn hãy dựa vào câu hỏi của con mà nói Pháp. Chúng sinh bị nghèo túng phải dùng phương tiện gì khiến cho xa lìa được sự nghèo khổ? Chúng sinh bị nhiều bệnh phải dùng phương tiện gì khiến cho không còn bệnh nữa? Phải làm thế nào để cho kho lương được tràn đầy vật dụng, tài bảo, lúa gạo ... phục vụ cho cuộc sống? Phải làm thế nào để được nhìn thấy điều yêu thích là: vàng, bạc, ma ni, trân châu, lưu ly, loa bối, ngọc bích, san hô, xà cừ, kim cương, vật báu ... kho tàng tràn đầy? Khiến con đem bố thí vẫn không bao giờ hết? Làm thế nào để cho quyền thuộc nam nữ lớn nhỏ trong nhà đều được tôn quý, tự tại?”

Diệu Nguyệt Trưởng giả tác bạch như vậy với Đức Thế Tôn xong. Ngay lúc đó, Đức Phật bảo Diệu Nguyệt Trưởng giả rằng: “Vào vô số kiếp xa xưa ở đời quá khứ, trong đời ấy có Đức Phật ra đời tên là TRÌ KIM CƯƠNG HẢI ĐẠI ÂM THANH Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô

Thượng Sĩ, Điều Ngự Trương Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Ta ở chỗ Đức Thế Tôn ấy nghe được Đà la ni tên là: CÁT TƯỜNG TRÌ THẾ. Nghe Pháp đó xong, ta thường thọ trì đọc tụng, chí thành cúng dường và vì người khác diễn nói Đà la ni đó.

Này Thiện Nam Tử! Nay Ta vì ông nói Đà la ni này nhằm ủng hộ ông khiến cho hàng người chẳng thể làm hại được, hàng Phi Nhân cũng chẳng thể làm hại được, hàng Dược Xoa chẳng có thể làm hại được, hàng La Sát chẳng có thể làm hại được, hàng Tất Lệ Đa chẳng có thể làm hại được, hàng Tỳ Xá Già chẳng có thể làm hại được, hàng Ô Sa Đa La Ca chẳng có thể làm hại được, hàng Bồ Đan Na chẳng có thể làm hại được, hàng Yết Tra Bồ Đan Năng chẳng có thể làm hại được, loài ăn thứ đại tiện chẳng có thể làm hại được, loài ăn thứ tiểu tiện chẳng có thể làm hại được, loài ăn mọi thứ vật Tịnh, vật Bất Tịnh cũng chẳng có thể làm hại được.

Diệu Nguyệt Trưởng Giả! Cát Tường Trì Thế Đà La Ni này, nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện được Đà La Ni này rồi đem đặt ở trong nhà cửa của mình hoặc cầm trong tay, cung kính cúng dường. Hoặc dùng Tâm suy nghĩ về Kinh Pháp đó. Hoặc được lắng nghe Kinh Pháp đó mà liền thọ trì, đọc tụng, cúng dường hoặc rộng vì người khác giải nói nghĩa thú thì kẻ trai lành, người nữ thiện này ngày đêm thường được vệ hộ an ổn vui thích vừa ý, ăn uống dư dật, được phước đức lớn.

Nếu hay cúng dường **Cát Tường Trì Thế Đà La Ni Kinh** này tức là cúng dường tất cả Bạc Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác trong ba đời: quá khứ, hiện tại, vị lai.

Nếu hay y theo Pháp thường ở trong thời khóa ban đêm niệm trì Đà La Ni này bốn biến thì người này liền được Chư Thiên đi đến vệ hộ cho vui vẻ ái lạc. Lại vì người này mà thân cận, tự đi đến giáng mưa thức ăn uống ngon ngọt thượng diệu.

Các hàng Thiên chúng đối với các Như Lai đều mang tâm vui vẻ, đối với các Phật Pháp đều mang tâm vui vẻ, đối với Trí Vô Tướng của Phật đều mang tâm vui vẻ, đối với HÒA HỢP CHÚNG (chư Tăng) đều mang tâm vui vẻ, đối với vị Thầy nói Pháp (Thuyết Pháp Sư) đều mang Tâm vui vẻ”.

Đức Phật lại bảo Diệu Nguyệt Trưởng Giả rằng: “Nay Ta vì ông với tất cả chúng sinh đời vị lai khiến cho được sự an vui lợi ích lớn”

Liên nói Cát Tường Trì Thế Đà La Ni là:

- 1) **Năng mô** (NAMO)
- 2) **La Đát năng đát la dạ dã** (RATNA-TRAYĀYA)
- 3) **Năng mô** (NAMO)
- 4) **Bà nga phộc đế** (BHAGAVATE)
- 5) **Phộc nhật la đà la** (VAJRA-DHĀRA)
- 6) **Sa nga la** (SĀGARA)
- 7) **Ninh lật khô sái dã** (NIRGHOSHĀYA)
- 8) **Đát tha nga đá dã** (TATHĀGATĀYA)
- 9) **Lật hạ đế** (ARHATE)
- 10) **Tam miệu ngật tam một đà dã** (SAMYAKSAMBUDDHĀYA)
- 11) **Đát nễ dã tha** (TADYATHĀ)
- 12) **Tổ lỗ bé** (SURŪPE)
- 13) **Tổ phộc ná minh** (SUVADANE)
- 14) **Bà nại lê** (BHADRE)
- 15) **Tổ bà nại lê** (SUBHADRE)
- 16) **Bà nại la phộc đế** (BHADRA-VATI)
- 17) **Tán nại la phộc đế** (CANDRA-VATI)
- 18) **Măng nga lệ, măng nga lệ** (MAṄGALE MAṄGALE)
- 19) **Tổ măng nga lệ** (SUMAṄGALE)

- 20) **Măng nga la phộc đễ** (MAṄGALA-VATI)
- 21) **A lệ** (ALE)
- 22) **A tả lệ** (ACALE)
- 23) **A tả bá lệ** (ACAPALE)
- 24) **Ôn nậu già đá ninh** (UDGHĀTANI)
- 25) **Ôn nễ dữu đất ninh** (UDYOTANI)
- 26) **Ôn nậu ty ná ninh** (UDBHEDANI)
- 27) **Ô thế na ninh** (UCCHEDANI)
- 28) **Tát đả phộc đễ** (ŚASYA-VATI)
- 29) **Đà năng phộc đễ** (DHANA-VATI)
- 30) **Đà ninh dã phộc đễ** (DHĀNYA-VATI)
- 31) **Thất ly mạt đễ** (ŚRĪ-MATI)
- 32) **Bát la bà mạt đễ** (PRABHĀ-MATI)
- 33) **A ma lệ** (AMALE)
- 34) **Vĩ ma lệ** (VIMALE)
- 35) **Minh lật ma lệ** (NIRMALE)
- 36) **Lỗ lỗ** (RURU)
- 37) **Lỗ lỗ** (RURU)
- 38) **Lỗ lỗ phộc đễ** (RURU-VATI)
- 39) **Tố lỗ bé** (SURŪPE)
- 40) **Tạt phả lệ** (CAPALE)
- 41) **Măng nga lệ** (MAṄGALE)
- 42) **A lật bán năng tất đễ** (ARPANASTE)
- 43) **Vĩ đất năng tất đễ** (VITANASTE)
- 44) **Yết vĩ năng tất đễ** (AVINASTE)
- 45) **Yết đất năng tất đễ** (ATANASTHE)
- 46) **Yết vĩ đất năng tất đễ** (AVITANASTE)
- 47) **Yết đà năng tất đễ** (ADHANASTE)
- 48) **Tức đa la năng tất đễ** (CITRANASTE)
- 49) **Vĩ tháp phộc kế thủy ninh** (VIŚVA-KEŚINĪ)
- 50) **Vĩ tháp phộc lỗ cảm** (VIŚVA-RŪPE)
- 51) **Vĩ truật năng thủy** (VIŚVANAMŚI)
- 52) **Vĩ thuần đà thí lệ** (VIŚUDDHA ŚĪLE)
- 53) **Vĩ canh nê ninh** (VIGŪHANĪYE)
- 54) **A nổ đá lê** (ANUTTARE)
- 55) **Áng củ lê** (AṂKURE)
- 56) **Măng củ lê** (NAMKURE)
- 57) **Bát la bàng củ lê** (PRABHAMKURE)
- 58) **Vĩ la minh** (VIRAME)
- 59) **Vĩ đà minh** (VIDHAME)
- 60) **Độ minh** (DHUME)
- 61) **Độ độ minh** (DHUDHU ME)
- 62) **Ly ly minh** (DHIDHI ME)
- 63) **Khư khư lệ** (KHAKHALE)
- 64) **Xí xí minh** (KHIKHI ME)
- 65) **Khô khô minh** (KHUKHU ME)
- 66) **Đát đát lệ** (TATĀRE)
- 67) **Đa la đa la** (TĀRA TĀRA)

- 68) **Đát đát la, đát đát la** (TATĀRA , TATĀRA)  
69) **Đá la dã, đá la dã** (TĀRAYA TĀRAYA)  
70) **Phộc nhật lệ, phộc nhật lệ** (VAJRE VAJRE)  
71) **Phộc nhật lỗ bát minh** (VAJROPAME)  
72) **Tra ké, Tra ké** (ṬAKKE ṬAKKE)  
73) **Xá ké, Xá ké** (DHAKKE DHAKKE)  
74) **Ổ ké** (UKKE)  
75) **Vũ ké** (BUKKE)  
76) **Bạc ké** (NUKKE)  
77) **Nại ké** (DHUKKE)  
78) **Đạt ké** (KAKKE)  
79) **Đạt la ké** (VARAKKE)  
80) **A phộc lật đá ninh** (ĀVARTTANI)  
81) **Bát la phộc lật đá ninh** (PRAVARTTANI)  
82) **Phộc lật sái nê, phộc phật sái nê** (VARṢAṆI VARṢAṆI)  
83) **Ninh sắt bá nại ninh** (NIṢPĀDANI)  
84) **Phộc nhật la đà la** (VAJRA-DHĀRA)  
85) **Sa nga la** (SĀGARA)  
86) **Ninh lật củ sái đát tha nga đá** (NIRGHOṢA TATHĀGATA)  
87) **Mạt lỗ sa ma la** (MANUSMARA)  
88) **Tát lật phộc đát tha nghiệt đá** (SARVA TATHĀGATA)  
89) **Tát để dã ma nỗ sa ma la** (SATYA MANUSMARA)  
90) **Đạt lật ma tát để dã** (DHARMA SATYA )  
91) **Ma nỗ sa ma la** (MANUSMARA)  
92) **Tăng già tát để dã** (SAMGHA SATYA)  
93) **Ma nỗ sa ma la** (MANUSMARA)  
94) **Đát tra, Đát tra** (TATA TATA)  
95) **Bồ la dã, bồ la dã** (PŪRAYA PŪRAYA)  
96) **Bồ la nê, bồ la nê** (PŪRṆI PŪRṆI)  
97) **Tát lật phộc thương** (SARVA ĀŚĀ)  
98) **Tát lật phộc, tát đát phộc nan tả** (SARVA SATTVĀNĀMCA)  
99) **Bà la, bà la** (BHARA BHARA)  
100) **Măng nga lệ** (MAṄGALE)  
101) **Phiến đá mặt để** (ŚĀNTA-MATI)  
102) **Truật bà mặt để** (SUBHA-MATI)  
103) **Ma hạ mặt để** (MAHĀ-MATI)  
104) **Măng nga la ma để** (MAṄGALE-MATI)  
105) **Bát la bà phộc để** (PRABHĀ-VATI)  
106) **Bà nại la phộc để** (BHADRA-VATI)  
107) **Tổ tán nại la ma để** (SUCANDRA-MATI)  
108) **A nga tả, A nga tả** (ĀGACCHA ĀGACCHA)  
109) **Tam ma dã ma nỗ tam ma la** (SAMAYAM ANUSMARA)  
110) **Sa phộc hạ** (SVĀHĀ)  
111) **A phộc la noa ma nỗ sa ma la** (ĀVARAṆAM ANUSMARA)  
112) **Sa phộc hạ** (SVĀHĀ)  
113) **A đà la ma nỗ sa ma la** (A DHĀRAM ANUSMARA)  
114) **Sa phộc hạ** (SVĀHĀ)  
115) **Bát la bà phộc ma nỗ sa ma la** (PRABHĀVAM ANUSMARA)

- 116)Sa phộc hạ (SVĀHĀ)  
 117)Sa phộc bà phộc ma nỗ sa ma la (SVABHĀVAM ANUSMARA)  
 118)Sa phộc hạ (SVĀHĀ)  
 119)Địa ly để ma nỗ sa ma la (DR̥DHIM ANUSMARA)  
 120)Sa phộc hạ (SVĀHĀ)  
 121)Đế nhạ ma nỗ sa ma la (TEJAM ANUSMARA)  
 122)Sa phộc hạ (SVĀHĀ)  
 123)Nhập dã ma nỗ sa ma la (JAYAM ANUSMARA)  
 124)Sa phộc hạ (SVĀHĀ)  
 125)Vĩ nhạ dã ma nỗ sa ma la (VIJAYAM ANUSMARA)  
 126)Sa phộc hạ (SVĀHĀ)  
 127)Ngột ly ná dã ma nỗ sa ma la (HR̥DAYAM ANUSMARA)  
 128)Sa phộc hạ (SVĀHĀ)  
 129)Tát lật phộc tát đất phộc ma nỗ sa ma la (SARVA SATTVAM ANUSMARA)

130)Sa phộc hạ (SVĀHĀ)

[Bản Phạn ghi nhận bài Chú này là:

**namo ratnatrayāya |**

**om namo bhagavate vajradharasāgaranirdhoṣāya tathāgatasyār hate  
 samyaksambuddhāya tadyathā om śrī surūpe suvadane bhadre subhadre  
 bhadravati maṅgale sumaṅgale maṅgalavati argale argalavati candre  
 candravati ale acale acapale udghātini udbhedini ucchedini udyotini  
 śasyavati dhanavati dhānyavati udyotavati śrīmati prabhavati amale vimale  
 nirmale rurume surūpe surupavimale arcanaste atanaste vitanaste anunaste  
 (?) avanatahaste viśvakeśi viśvaniśi viśvanamśi viśvarūpiṇi viśvanakhi  
 viśvaśire viśuddhaśile vigūhaniye viśuddhaniye uttare anuttare aṅkure  
 naṅkure prabhaṅkure rarameririme rurume khakhame khikhime khukhume  
 dhadhame dhidhime dhudhume tatatare tatatare ture ture tara tara tāraya  
 tāraya mām sarvasattvāmśca vajre vajre vajragarbhe vajropame vajriṇi  
 vajravati ukke bukke nukke dhukke kakke hakke ḍhakke ṭakke varakke  
 āvarttini nivarttini nivarṣaṇi pravaraṣaṇi vardhani pravardhani niṣpādani  
 vajradharasāgaranirdhoṣam tathāgataṁ anusmara anusmara  
 sarvatathāgatasatyamanusmara saṅghasatyamanusmara anihāri anihāri  
 tapa tapa kuṭa kuṭa pūra pūra pūraya pūraya bhagavati vasudhāre mama  
 saporivārasya sarveṣām sattvānām ca bhara bhara bharaṇi śāntamati  
 jayamati mahāmati sumaṅgalamati piṅgalamati subhadramati śubhamati  
 candramati āgacchāgaccha samayam anusmara svāhā |**

**svabhāvāmanusmara svāhā |**

**dhṛtiṁ anusmara svāhā |**

**sarvatathāgatānām vinayam anusmara svāhā**

**hṛdayam anusmara svāhā**

**upahṛdayam anusmara svāhā**

**jayam anusmara svāhā**

**vijayam anusmara svāhā**

**sarvasatvavijayamanusmara svāhā |**

Lại nói CÁT TƯỜNG TRÌ THỂ CĂN BẢN MINH là:

1)Năng mô

2)La đất năng đất la dạ dã

3)ÁN

4)Phộc tổ đà lê

5)Sa phộc hạ

6)ÁN

7)Thất ly phộc tổ mẫu ninh

8)Sa phộc hạ

↳ NAMO RATNA-TRAYĀYA

OM\_ VASUDHĀRE\_ SVĀHĀ

OM\_ ŚRĪ VASU MUṆI\_ SVĀHĀ

Tâm Minh là:

1)Năng mô

2)La đất năng đất la dạ đã

3)ÁN

4)Phộc tổ thất ly duệ

5)Sa phộc hạ

6)ÁN

7)Thất ly

8)Phộc tổ ma để

9)Thất ly duệ

10)Sa phộc hạ

11)ÁN

12)Phộc tổ

13)Sa phộc hạ

14)ÁN

15)Lạc khát sô nhĩ phổ đá lạc ninh

16)Phộc tổ ninh duệ

17)Sa phộc hạ

18)Năng mô

19)Phộc nhật la bá na duệ

20)Thất ly duệ, thất ly ca ly

21)Đà năng ca ly

22)Đà ninh đã ca ly

23)Sa phộc hạ

↳ NAMO RATNA-TRAYĀYA

OM\_ VASU-ŚRĪYE SVĀHĀ

OM\_ ŚRĪ-VASU-MATI ŚRĪYE SVĀHĀ

OM\_ VASU SVĀHĀ

OM\_ LAKṢMI BHŪTALANI-VĀSINĪYE SVĀHĀ

NAMO VAJRA-PĀṆĀYE – ŚRĪYE – ŚRĪ-KARE \_ DHANA-KARE –

DHĀNYA-KARE SVĀHĀ

(Bản khác ghi nhận bài **Tâm Minh** như sau:

NAMO RATNA-TRAYĀYA

OM\_ VASU-ŚRĪYE SVĀHĀ

OM\_ ŚRĪ-VASU-MATI ŚRĪYE SVĀHĀ

OM\_ VASU SVĀHĀ

OM\_ LAKṢMI-PUTRA NIVĀSINĪYE SVĀHĀ

NAMO VAJRA-PĀṆĀYE ŚRĪYE, ŚRĪ-KARI, DHANA-KARI, DHĀNYA-KARI SVĀHĀ)

Đức Phật lại bảo Diệu Nguyệt Trường Giả rằng: “**Cát Tường Trì Thế Đà la ni** này có uy đức lớn. Nếu các ông hay tùy thời trì tụng thì hết thấy mọi nạn về bệnh tật, đói kém, mất mùa, Thiên thọ đều chẳng có thể xâm phạm được.

Nếu lại có người ở ngay trong nhà cửa của mình, hoặc nhà người khác, hoặc tùy nơi cư ngụ mà cúng dường TRÌ KIM CƯƠNG HẢI ĐẠI ÂM THANH Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác và chí Tâm trì niệm Cát Tường Trì Thế Đà La Ni này, đầy đủ mọi thứ cúng dường trong sáu tháng. Như vậy, tùy theo điều cầu nguyện với việc tăng ích đều được thành tựu.

Nếu lại có người y theo Pháp chọn lựa nơi thanh tịnh hoặc trong kho lương dùng Bạch Đàn hương xây dựng Tứ phương Man Noa La. Xong, thỉnh triệu, cúng dường Trì Kim Cương Hải Đại Âm Thanh Như Lai với tất cả Phật, Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát, các hàng Bồ Tát, Thánh chúng; thường ở ban đêm chí tâm niệm Cát Tường Trì Thế Đà La Ni khiến cho không bị gián đoạn cho đến lúc thành tựu thì kẻ trai lành, người nữ thiện này liền được người có Uy Đức lớn đi đến giảng phước giúp đỡ, tùy theo điều cầu nguyện khiến cho được mãn túc tất cả tài vật, lúa gạo, vàng bạc, trân bảo; tất cả việc khủng bố nhiễu loạn đều được tiêu trừ.

Này Diệu Nguyệt Trường Giả! Nếu các ông hay tinh tiến thọ trì, niệm Cát Tường Trì Thế Đà La Ni này mà hay rộng vì người khác giải nói thì hay khiến cho ông ngày đêm được sự lợi ích an vui trên cõi đời và cõi nhân gian”.

Diệu Nguyệt Trường Giả ca ngợi rằng: “Lành thay! Đức Thế Tôn khéo nói”

Diệu Nguyệt Trường Giả ở nơi Đức Thế Tôn lắng nghe được Cát Tường Trì Thế Đà La Ni đó xong thì Tâm sinh ái lạc, vui mừng hơn hờ, sắc mặt tươi vui đỉnh lễ dưới chân Đức Phật rồi bạch với Đức Phật rằng: “Thế Tôn! Cát Tường Trì Thế Đà La Ni này. Từ nay về sau con vĩnh viễn không để cho quên mất, mà luôn ghi nhớ, thọ trì, đọc tụng, giải nói nghĩa ấy, cúng dường cung kính và vì người khác diễn nói Pháp đó.”

Lúc đó, trong nhà của Diệu Nguyệt Trường Giả, trong khoảng thời gian bằng các búng tay, đột nhiên có mọi thứ vàng bạc, trân bảo, lúa gạo, tài vật tràn đầy các kho lương.

Bấy giờ Diệu Nguyệt Trường Giả chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn không hề chớp mắt rồi lại nhiễu quanh hàng trăm ngàn vòng, đỉnh lễ dưới chân Đức Phật rồi lui ra.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo A Nan Đà rằng: “Ngay hôm nay ông hãy đến ngôi gia của Diệu Nguyệt Trường Giả rồi vào trong nhìn xem có bao nhiêu thứ tài vật, lúa gạo, vàng bạc, châu báu đã tràn đầy trong mọi kho lương, kho tàng của Trường giả ấy chưa?”

Khi đó, A Nan Đà nghe lời Đức Phật dạy xong, liền mau chóng đi đến ngôi gia của Diệu Nguyệt Trường Giả nơi Đại thành Kiêu Thướng Di. Đến nơi rồi, Ngài vào xem và nhìn thấy bao nhiêu thứ tài vật, lúa gạo, học thạch, vàng bạc, trân bảo, thấy đều tràn đầy trong mọi loại kho lương rộng lớn.

Lúc A Nan Đà đột nhiên nhìn thấy việc như vậy thì trong lòng kinh ngạc, mỉm cười và khởi tâm ái lạc, vui vẻ hơn hờ.

Thời A Nan Đà tuân phụng lời dạy của Đức Phật xong liền quay về chỗ Đức Phật ngự, cúi đầu làm lễ dưới chân Đức Thế Tôn rồi bạch với Đức Phật rằng: “Diệu Nguyệt Trường Giả dùng nhân duyên nào mà được phước rộng lớn như vậy? Lành thay! Thế Tôn! Nguyện xin vì con mà diễn nói việc đó.”

Đức Phật bảo A Nan Đà rằng: “Diệu Nguyệt Trường Giả này có Đại Trí Tuệ, vì hay phát tâm nhờ giữ vĩnh viễn không có quên mất, thọ trì, đọc tụng, cúng dường,

cung kính, suy tư diệu lý, phát Đại Từ Bi vì chúng sinh khác giải nói Pháp đó, nên hay khiến cho ông ấy được công đức thù thắng chẳng thể luận bàn. Trong vô lượng đời thường vì Chư Thiên với người ở Thế gian diễn nói Pháp đó.

A Nan Đà! Đà La Ni này thật là điều hiếm có. Tất cả Thiên Ma, Đại Phạm Thiên Vương, Sa Môn, Bà La Môn chúng, Trời, Người, A Tó La ... đối với Cát Tường Trì Thế Đà La Ni này thường nên phát Tâm tôn trọng cung kính chẳng nên khởi Tâm phá hoại, khinh chê.

A Nan Đà! Cát Tường Trì Thế Đà La Ni này, các Chú chẳng có thể phá hoại được. Nếu chúng sinh không có căn lành, chúng sinh kém phước thì dù có tai cũng chẳng được tạm nghe, huống chi có thể biết Đà La Ni này được ghi ở trong Kinh đó mà Tâm ghi nhớ; miệng diễn nói thọ trì đọc tụng được. Tại sao vậy? Vì Cát Tường Trì Thế Đà La Ni này là nơi diễn nói của tất cả Như Lai; là nơi gia trì của tất cả Như Lai; là nơi mà tất cả Như Lai đồng ấn khả, giải thích, cúng dường, tôn trọng, khen ngợi; là Pháp Tối Thắng vi diệu rất khó giải bày. Tất cả Như Lai, mỗi một Tâm đều không có sai khác, dùng một âm thanh diễn Pháp này khiến cho các chúng sinh đều được giải rõ.

Nay Ta vì các chúng sinh chịu nhiều sự khổ vì nghèo túng, bệnh tật, cái ác khủng bố tất cả sự nhiễu loạn, việc không thể chịu nổi khiến cho người thọ nhận các điều ấy được sung túc, an ổn, khoái lạc”.

Bấy giờ, A Nan Đà nghe Đức Phật nói về Cát Tường Trì Thế Đà La Ni này xong liền phát tâm ghi nhớ, thọ trì, đọc tụng, suy tư giải rõ, tôn trọng cúng dường. A Nan Đà từ chỗ ngồi đứng dậy, trật áo hở vai bên phải, quỳ gối bên phải sát đất chấp tay hướng về ban chân của Đức Phật. Thời A Nan Đà kính lễ Đức Phật xong liền phát Tâm chí thành, nói **Nga Tha** (Gāthā) đó mà ca ngợi rằng:

***Chư Phật Thế Tôn khó luận bàn***

***Pháp do Phật nói khó luận bàn***

***Phát tâm hoan hỷ khó luận bàn***

***Thuận hiện thọ báo khó luận bàn***

***Thiên Nhân Sư Trí Nhất Thiết Trí***

***Đến bờ bên kia lìa sinh tử***

***Lễ quả vô thượng thành Pháp Vương***

***Nay con xưng tán Pháp vô úy***

Lúc đó, A Nan Đà nói lời ca ngợi đó xong liền vui vẻ hớn hở bạch với Đức Phật rằng: “Thế Tôn! Kinh này có tên gọi như thế nào? Nay con tụng trì như thế nào?”

Đức Phật bảo A Nan Đà rằng: “Như lời ông hỏi thì Kinh này có tên Diệu Nguyệt Trường Giả Sở Vấn Kinh; Đắc Nhất Thiết Trí Bảo Kho Tàng Thọ Trì Pháp Kinh. Lại có tên gọi là: Nhất Thiết Như Lai Sở Thuyết Cát Tường Trì Thế Đà La Ni Kinh. Các ông cần thọ trì như vậy”

Đức Phật nói kinh đó xong thì A Nan Đà với các Tỳ Kheo, Bồ Tát Ma Ha Tát, tất cả Trời, Người, A Tó La, Càn Đát Phộc ... của Thế Gian đều rất vui vẻ, tin nhận, tụng hành, làm lễ rồi lui ra.

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA THÁNH CÁT TƯỜNG TRÌ THẾ ĐÀ LA NI  
\_ HẾT \_

Hiệu chỉnh xong vào ngày 10/01/2013